

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	Tổng số thu	611.132.359.540	520.735.343.510	85,21%	126,32%
1	Năm trước mang sang	11.346.916.800	11.346.916.800		
2	Ngân sách Nhà nước	10.729.538.740	10.729.538.740	100,00%	66,33%
	Kinh phí thường xuyên				
	Kinh phí không thường xuyên	10.729.538.740	10.729.538.740	100,00%	66,33%
3	Dịch vụ y tế	517.349.300.000	433.935.372.846	83,88%	121,86%
4	Thu khác ( hoạt động dịch vụ )	71.706.604.000	64.723.515.124	90,26%	161,87%
II	Tổng chi	589.055.904.000	498.504.691.818	84,63%	124,39%
A	Tổng chi thường xuyên	588.534.259.125	497.983.046.943	84,61%	124,40%
	<b>Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân</b>	<b>145.449.822.279</b>	<b>139.765.868.087</b>	<b>96,09%</b>	<b>129,01%</b>
1	Tiền lương	44.996.372.813	42.995.372.813	95,55%	113,54%
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường	14.882.560.600	14.514.675.402	97,53%	115,13%
3	Phụ cấp chức vụ	982.328.107	882.328.107	89,82%	133,55%
4	Phụ cấp làm đêm: làm thêm giờ	1.196.864.000	1.097.832.570	91,73%	81,11%
5	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	2.966.598.000	2.915.175.242	98,27%	112,81%
6	Phụ cấp ưu đãi nghề	20.879.459.051	20.174.147.227	96,62%	117,73%
7	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, công việc	760.421.000	776.091.776	102,06%	106,11%
8	Phụ cấp trực	13.634.913.250	11.649.523.750	85,44%	158,40%
9	Phụ cấp thâm niên vượt khung	361.359.763	344.310.237	95,28%	105,87%
10	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	12.678.893.970	12.715.001.470	100,28%	116,48%
11	Phụ cấp kiêm nhiệm: phụ cấp khác (6149)	18.000.000.000	1.655.803.070	9,20%	151,65%
12	Tiền thưởng	700.000.000	607.110.000	86,73%	
13	Tiền tàu xe nghỉ phép năm	20.622.000	21.170.000	102,66%	144,65%
14	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	12.928.882.872	12.677.902.101	98,06%	107,43%
15	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chu	-	15.725.355.102		
16	Chi khác (6449)	460.546.853	1.014.069.220	220,19%	1091,22%
	<b>Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>399.640.456.021</b>	<b>314.852.922.611</b>	<b>78,78%</b>	<b>108,35%</b>
17	Tiền điện	8.649.875.137	6.628.402.607	76,63%	112,08%
18	Tiền nước	2.833.882.067	2.407.632.214	84,96%	135,38%
19	Tiền nhiên liệu	295.999.882	294.950.755	99,65%	248,92%
20	Tiền vệ sinh môi trường	877.168.000	857.691.531	97,78%	118,61%
21	Khác (6549)	2.820.000	2.015.000	71,45%	32,95%
22	Văn phòng phẩm	1.043.970.000	239.202.500	22,91%	31,26%
23	Công cụ dụng cụ văn phòng	1.785.282.000	941.248.400	52,72%	77,78%
24	Khoản văn phòng phẩm	867.843.000	618.121.394	71,23%	91,04%
25	Vật tư văn phòng khác	2.787.154.000	1.697.084.944	60,89%	114,26%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
26	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1.249.659.527	1.149.028.521	91,95%	272,26%
27	Hội nghị	74.900.000	75.096.000	100,26%	28,23%
28	Công tác phí	280.888.710	249.044.814	88,66%	64,51%
29	Chi phí thuê mượn	5.930.000.000	1.803.046.267	30,41%	18776,72%
33	Sửa chữa Ô tô chuyên dùng	125.378.420	58.598.420	46,74%	2,09%
34	Sửa chữa Tài sản và thiết bị chuyên dùng	6.186.820.000	1.899.649.200	30,70%	104,03%
35	Sửa chữa Nhà cửa	1.500.000.000	770.920.685	51,39%	92,64%
36	Sửa chữa Các thiết bị công nghệ thông tin	4.500.000.000	1.146.966.087	25,49%	797,35%
37	Sửa chữa Tài sản và thiết bị vận phòng	1.900.717.300	554.696.900	29,18%	99,79%
38	Sửa chữa Đường điện, cấp thoát nước	1.000.000.000	436.105.301	43,61%	
39	Sửa chữa Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	200.675.000	100.675.000		
40	Mua Tài sản và thiết bị chuyên dùng	7.222.000.000	4.063.250.000	56,26%	495,44%
41	Mua Tài sản và thiết bị vận phòng	2.875.788.765	345.090.000	12,00%	39,82%
42	Mua các thiết bị công nghệ thông tin	3.664.500.000	516.684.960	14,10%	626,28%
43	Mua Tài sản và thiết bị khác	450.000.000	-		
44	Chi mua hàng hóa, vật tư (Thuốc, hóa chất XN, VTYT, Y dụng cụ, in ấn, sách)	327.090.558.257	279.165.464.555	85,35%	11968,32%
45	Đông phục, trang phục; bảo hộ lao động	3.800.389.000	1.267.082.000	33,34%	108,17%
46	Chi khác (7049)	12.444.186.956	7.565.174.556	60,79%	378258,73%
47	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		-		
	<b>Nhóm 3: Các khoản chi khác</b>	<b>43.443.980.825</b>	<b>43.364.256.245</b>	<b>99,82%</b>	<b>5553,90%</b>
48	Chi các khoản phí và lệ phí	1.160.787.000	170.797.912	14,71%	109,04%
49	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	213.138.000	164.774.265	77,31%	180,89%
50	Chi tiếp khách	166.993.000	57.250.740	34,28%	41,18%
51	Chi các khoản khác	41.483.355.125	42.539.547.928	102,55%	
52	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	163.000.000	163.000.000	100,00%	80,52%
53	Chi tính gián biên chế	256.707.700	268.885.400		
	<b>Nhóm 4: Chi đầu tư các dự án</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
54	Chi chuẩn bị đầu tư				
55	Chi xây dựng				
56	Chi phí khác (9400)				
<b>B</b>	<b>Trích 35% bổ sung chi lương</b>	<b>521.644.875</b>	<b>521.644.875</b>	<b>100,00%</b>	<b>79,12%</b>

Người lập bảng

Nguyễn Thị Thanh Phương

Kế toán trưởng

Phan Thụy Thu Vân



Số: 2357 /QĐ-BVT

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI NHẬN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 CỦA BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận trực thuộc Sở Y tế Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 871/QĐ-SYT ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho Bệnh viện tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Bệnh viện tỉnh (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2022.

**Điều 3.** Các thành viên Ban Giám đốc Bệnh viện; Trưởng, phó khoa - phòng và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận: ✓

- Như điều 3;
- Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCKT (02).



Thái Phương Phiên

Đơn vị: Bệnh Viện tỉnh Ninh Thuận  
Chương: 423

Biểu số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số  
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm  
2018 của Bộ Tài chính)



**PHỤ LỤC NHẬN DỰ TOÁN CHI NGÂN NSNN NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 2357/QĐ-BVT ngày 31/12/2022 của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận)

Đvt: đồng

Nội dung	Loại, khoản	Tổng số	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp:		1.933.670.000	
Kinh phí không thường xuyên	130-132	1.933.670.000	
<i>Kinh phí đặc thù</i>		<i>1.933.670.000</i>	
<i>Trong đó:</i>			
- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên		193.370.000	
- Kinh phí Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ (kinh phí khám sức khỏe định kỳ và mua thuốc khám chữa bệnh và cận lâm sàng)		1.662.380.000	
- Đề án 1816 và chuyển giao gói kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh		77.920.000	

- Dự toán chi NSNN cấp bằng chữ: Một tỷ, chín trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn.

Số: 2356 /QĐ-BVT

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai nhận bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận.**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận trực thuộc Sở Y tế Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-SYT ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho Bệnh viện tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Bệnh viện tỉnh (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2022.

**Điều 3.** Các thành viên Ban Giám đốc Bệnh viện; Trưởng, phó khoa - phòng và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như điều 3;
- Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCKT (02).



**Thái Phương Phiên**

Đơn vị: Bệnh Viện tỉnh Ninh Thuận

Chương: 423



Biểu số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

**PHỤ LỤC NHẬN BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN NSNN NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 2856 /QĐ-BVT ngày 31 /12/2022 của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận)

*Dvt: đồng*

Nội dung	Loại, khoản	Tổng số	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp:		148.880.000	
Kinh phí không thường xuyên		148.880.000	
- Kinh phí thanh toán chế độ phụ cấp và hỗ trợ tiền ăn cho lực lượng an ninh trật tự tại cơ sở điều trị bệnh nhân Covid-19 năm 2021 theo Nghị quyết 16/NQ-CP	130-132	148.880.000	

- Dự toán chi NSNN cấp bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng chẵn./.

